TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HS-ST
Ngày 24 tháng 8 năm 2026

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Mí Chỏ, bà Lương Thị Nhiễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Tự - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2026/TLST-HS ngày 25/6/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Giàng Chúng S, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1972, tại xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn S Chứ, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang); Căn cước công dân số: 002072***05, cấp ngày 25/6/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C3; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Giàng Mí X (đã chết) và bà Vàng Thị C (đã chết); bị cáo có 05 anh chị em. Bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; vợ: Mua Thị S1 (đã chết); con: Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị cáo bị Tạm giữ từ ngày 06/3/2026 đến ngày 12/6/2026. Đến ngày 13/6/2026 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ đó cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Thanh H – Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và luận cứ bào chữa cho bị cáo).

- *Người làm chứng:* Anh Giàng Mí S2, sinh ngày 01/02/2003; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Mua Mí C1; Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2023, Giàng Chúng S đi chơi chợ giáp biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc địa phận xã L, tỉnh Tuyên Quang. Tại đây, S gặp một người đàn ông Trung Quốc không quen biết đang cầm một số quả thuốc phiện. Sình hỏi xin và được người này cho một quả thuốc phiện. Sình mang quả thuốc phiện về nhà, cất giấu trên gác. Đến khoảng tháng 8 năm 2025, sau khi thu hoạch ngô của gia đình, S lấy quả thuốc phiện đã cất giấu trước đó, mang lên nương ngô của gia đình thuộc thôn T, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang để gieo trồng. S dùng tay bới đất tại các hốc đá tạo thành những hố nhỏ, sau đó lấy hạt từ quả thuốc phiện cho vào từng hố để gieo trồng rồi về nhà. Khoảng tháng 9 năm 2025, S lên nương kiểm tra thì thấy các hạt thuốc phiện đã nảy mầm. Do sợ người khác phát hiện, S lấy cỏ voi và cây ngô khô phủ lên các hốc đá nơi trồng thuốc phiện để che giấu. Trong quá trình cây phát triển, S thỉnh thoảng lên nương kiểm tra, chăm sóc và nhổ cỏ xung quanh các cây thuốc phiện để cây tiếp tục phát triển.

Đến khoảng đầu tháng 3 năm 2026, S lên nương kiểm tra, thấy cây thuốc phiện đã ra hoa và có quả. Sình nảy sinh ý định cạo lấy nhựa thuốc phiện để sử dụng làm thuốc chữa bệnh cho gia súc. S về nhà dùng dao vót nhỏ một thanh tre, chẻ một đầu thanh tre thành các rãnh nhỏ, cho 07 thanh kim loại vào rồi dùng dây buộc cố định. Sau đó, S mang công cụ này lên nương, dùng để khứa, rạch vào phần vỏ của các quả thuốc phiện nhằm làm cho nhựa thuốc phiện chảy ra. Sau khi thực hiện, S cất thanh tre tại một hốc đá trên nương rồi về nhà. Khoảng 06 giờ 00 phút sáng ngày hôm sau, S lên nương kiểm tra thì thấy trên các quả thuốc phiện đã khứa, rạch có bám dính nhựa. Sình về nhà lấy một thanh tre khô khác, dùng dao vót thành một rãnh nhỏ rồi mang lên nương, cạo xung quanh các quả thuốc phiện đã khứa, rạch để thu hoạch nhựa thuốc phiện. Sau khi thu hoạch, S mang số nhựa thu được về nhà cất giấu trên hòm gỗ trong phòng ngủ.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 06/3/2026, tổ công tác Công an xã Đ phát hiện, bắt quả tang Giàng Chúng S tại nương ngô của gia đình. Quá trình bắt quả tang, lực lượng Công an thu giữ 106 cây thực vật màu xanh, có rễ, thân mềm, thẳng, lá hình bầu dục mọc xung quanh thân, một số cây có hoa, quả mọc ở ngọn, thân và đầu cành, hoa màu tím, quả hình cầu; trong đó một số quả có vết rạch dọc theo thân quả. Cơ quan Công an đồng thời thu giữ 01 thanh tre có gắn 07 thanh kim loại. Sau đó, S được đưa về trụ sở Công an xã để điều tra, xác minh.

PTại cơ quan điều tra, Giàng Chúng S khai nhận toàn bộ 106 cây thực vật bị thu giữ trên nương là cây thuốc phiện do Sình trực tiếp gieo trồng, chăm sóc. Sình khai thanh tre có gắn 07 thanh kim loại là công cụ do S tự chế để khứa, rạch vào các quả thuốc phiện nhằm lấy nhựa thuốc phiện để sử dụng làm thuốc chữa bệnh cho gia súc, ngoài mục đích này không nhằm mục đích nào khác.

Ngày 06/3/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ban hành Lệnh khám xét khẩn cấp số C50/LKX-CQĐT đối với chỗ ở của Giàng Chúng S tại thôn T, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình khám xét, S tự nguyện giao nộp 01 thanh tre khô màu nâu, dài 11cm, bản rộng nhất 02cm, bản nhỏ nhất 01cm; tại phần giữa bên trái mặt trong thanh tre có bám dính chất dạng cục màu đen.

Ngày 07/3/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ban hành các Quyết định trưng cầu giám định số 146, 147/QĐ-CQĐT, trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T giám định đối với các vật chứng và mẫu thực vật đã thu giữ.

Tại bản kết luận giám định số 538/KL-KTHS ngày 11/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Mẫu cần giám định ký hiệu M1 có bám dính chất ma túy, loại Thuốc phiện. Chất dạng cục màu đen bám dính trên thanh tre ký hiệu M2 là chất ma túy, loại Thuốc phiện; khối lượng 0,283g (không phẩy hai tám ba gam). H1 lại đối tượng giám định: 01 (một) thanh tre khô màu nâu, một đầu thanh tre được gắn, buộc 07 (bảy) thanh kim loại màu nâu ký hiệu M1; 01 (một) thanh tre khô màu nâu ký hiệu M2.

Tại Kết luận giám định số 539/KL-KTHS ngày 14/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh T xác định: Trong 106 cây thực vật cần giám định đều tìm thấy các chất Morphine, C2, Papaverine, là các chất đặc trưng trong cây thuốc phiện, cây anh túc. Tổng khối lượng 106 cây thực vật là 9.220 gam, trong đó khối lượng quả là 220 gam và khối lượng rễ, thân, lá, hoa là 09 kilôgam.

Ngày 13/3/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành cho Giàng Chúng S xác định lại hiện trường. Sinh trực tiếp chỉ lại các vị trí đã gieo trồng, chăm sóc và khứa, rạch các quả thuốc phiện để lấy nhựa. Kết quả xác định các vị trí S chỉ phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với lời khai của S trong quá trình điều tra.

Đối với số cây và quả thuốc phiện còn lại gồm 96 cây thuốc phiện và 23 quả thuốc phiện sau khi đã trừ số mẫu dùng để giám định, do là vật mau hỏng, không thể bảo quản lâu dài nên ngày 26/3/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ban hành Quyết định xử lý vật chứng số C186/QĐ-CQĐT và tiến hành tiêu hủy bằng hình thức đốt theo quy định.

Quá trình điều tra, Giàng Chúng S thừa nhận việc tự mình lấy hạt thuốc phiện gieo trồng, chăm sóc cho đến khi cây phát triển, ra hoa, kết quả; sau đó sử dụng công cụ tự chế để khứa, rạch quả thuốc phiện nhằm lấy nhựa. Sinh khai mục đích lấy nhựa thuốc phiện để làm thuốc chữa bệnh cho gia súc, ngoài ra không nhằm mục đích nào khác. Sinh không có đồng phạm và thực hiện toàn bộ hành vi một mình.

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKSKV8 ngày 25/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Giàng Chúng S về tội "Sản xuất trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Chúng S từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội "Sản xuất trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự tịch thu tiêu hủy vật chứng liên quan đến vụ án không còn giá trị sử dụng; Về trách nhiệm dân sự: Không; Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều

12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để miễn án hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Chúng S.Tại bản luận cứ ngày 23/8/2026 của trợ giúp viên có quan điểm: Về tội danh, có cùng quan điểm với nội dung truy tố của Viện kiểm sát, xác định bị cáo phạm tội "Sản xuất trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mục đích trồng và thu hoạch nhựa thuốc phiện của bị cáo chỉ nhằm chữa bệnh cho gia súc, không nhằm mục đích vụ lợi; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng, là người dân tộc thiểu số, không có học vấn, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Từ đó, đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung. Về án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Nhất trí với nội dung bản luận cứ bào chữa và không có ý kiến bổ sung gì thêm. Khi nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng Giàng Mí S2, tuy nhiên người làm chứng đã có lời khai trong giai đoạn điều tra, có đơn xin xét xử vắng mặt và việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án do đó, Hội đồng xét xử, quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh và áp dụng điều luật: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản xác định hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, Kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh T, lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định: Khoảng tháng 08/2025 Giàng Chúng S, sau khi được một người đàn ông Trung Quốc cho quả cây thuốc phiện, S đã thực hiện hành vi gieo trồng hạt cây thuốc phiện lên trên nương của mình. Đến khoảng đầu tháng 03/2026, khi cây thuốc phiện ra hoa và có quả, S đã sử dụng công cụ tự chế để khứa vào các quả thuốc phiện để chiết xuất, cạo lấy nhựa thuốc phiện nhằm mục đích dùng chữa bệnh cho gia súc. Sau đó bị cáo S bị Công an xã Đ phát hiện, bắt quả tang tại nương, thu giữ 106 cây thuốc phiện và 01 thanh tre có gắn 07 thanh kim loại. Khám xét nơi ở, S tự nguyện giao nộp 01 thanh tre khô có bám dính chất dạng cục màu đen. Tại Kết luận giám định số 539/KL-KTHS ngày 14/3/2026 xác định, trong 106 cây thực vật thu giữ đều tìm thấy M, C, P là các chất đặc trưng trong cây thuốc phiện (cây anh túc); tổng khối lượng 106 cây là 9.220 gam, trong đó quả có khối lượng 220 gam, phần rễ, thân, lá, hoa có khối lượng 09 kilôgam. Tại bản kết luận giám định số 538/KL-KTHS ngày 11/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh T

kết luận: Mẫu cần giám định ký hiệu M1 có bám dính chất ma túy, loại Thuốc phiện. Chất dạng cục màu đen bám dính trên thanh tre ký hiệu M2 là chất ma túy, loại Thuốc phiện; khối lượng 0,283g (không phẩy hai tám ba gam).

[3] Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định bị cáo Giàng Chúng S đã phạm tội "Sản xuất trái phép chất ma túy", quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 13/CT-VKSKV8, ngày 25/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo Giàng Chúng S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy; đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh và gia tăng tệ nạn ma túy, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được cây thuốc phiện là loại cây có chứa chất ma túy nhưng vẫn cố ý lấy hạt gieo trồng, trực tiếp chăm sóc trong thời gian dài, dùng cỏ voi và cây ngô khô để che giấu không cho người khác phát hiện. Khi cây thuốc phiện phát triển, ra hoa, kết quả, bị cáo tiếp tục tự chế công cụ để khứa, rạch quả, sau đó sử dụng thanh tre khác để cạo lấy nhựa thuốc phiện. Chuỗi hành vi này thể hiện bị cáo đã chủ động, cố ý thực hiện việc tạo ra và thu lấy chất ma túy với lỗi cố ý. Bị cáo thực hiện hành vi một mình, không có đồng phạm; lượng nhựa thuốc phiện thu được không lớn; mục đích bị cáo khai nhận là để làm thuốc chữa bệnh cho gia súc, không nhằm mục đích mua bán hoặc cung cấp cho người khác. Những yếu tố này được xem xét khi áp dụng lượng hình nhưng không làm thay đổi bản chất, tính chất trái pháp luật của hành vi.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Giàng Chúng S đều thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tiền án, tiền sự và nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự và nhân thân xấu.

[7] Đối với ý kiến luận cứ bào chữa của người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận. Bị cáo phạm tội về ma túy, hành vi trồng cây thuốc phiện là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ làm phát sinh và gia tăng tệ nạn ma túy tại địa phương. Mặc dù bị cáo đã được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về việc nghiêm cấm trồng cây thuốc phiện nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi trồng cây thuốc phiện, thể hiện ý thức coi thường chấp hành pháp luật, khả năng tự cải tạo tại cộng đồng chưa bảo đảm. Do đó, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và yêu cầu phòng ngừa chung đối với loại tội phạm về ma túy. Hội đồng xét xử không có cơ sở để cho bị cáo được hưởng án treo. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một

phần đề nghị của người bào chữa đối với các nội dung có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử; không chấp nhận đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

[8] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ, toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam với mức hình phạt nằm trong khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bản thân bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo sinh sống tại địa bàn miền núi, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc tịch thu tài sản đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Đối với 96 cây thuốc phiện và 23 quả thuốc phiện còn lại sau khi lấy mẫu giám định, do là vật mau hỏng, không thể bảo quản lâu dài, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số C186/QĐ-CQĐT ngày 26/3/2026 và tiêu hủy bằng hình thức đốt. Xét thấy việc xử lý, tiêu hủy số vật chứng trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10.2] Đối với 01 thanh tre có gắn 07 thanh kim loại và 01 thanh tre khô dài 11cm là các công cụ bị cáo sử dụng để khứa, rạch quả và cạo lấy nhựa thuốc phiện, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với 0,283 gam thuốc phiện bám dính trên thanh tre đã được sử dụng hết trong quá trình giám định nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[11] Đối với người đàn ông Trung Quốc đã cho bị cáo 01 quả thuốc phiện tại khu vực chợ giáp biên giới Việt Nam - Trung Quốc vào khoảng đầu năm 2023, quá trình điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ, nhân thân cụ thể của người này. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với người đàn ông nêu trên trong vụ án này.

[12] Về án phí: Bị cáo Giàng Chúng S là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì vậy, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Chúng S.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[14] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do

đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Giàng Chúng S phạm tội: "Sản xuất trái phép chất ma túy"

2. Hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Giàng Chúng S 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo Giàng Chúng S được trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 6 Điều 248 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng, gồm: 01 túi niêm phong mặt trước có mã số: PS3 24103344, được niêm phong kín, mặt trước ghi "T tre khô màu nâu và bảy thanh kim loại màu nâu", mặt sau phong bì có 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong *(hoàn trả lại sau khi đã trích mẫu giám định);* 01 túi niêm phong mã số 24103353 bên trong có 01 thanh tre khô màu nâu *(hoàn trả lại sau khi đã trích mẫu giám định).*

(*Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Tuyên Quang ngày 25 tháng 6 năm 2026*).

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Chúng S;

5. Quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tòa Hình sự TAND T TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Phòng PC 10, PV 06 CA T TQ;
- CQCSĐT CA T TQ;
- Phân trại tạm giam Đồng Văn;
- UBND xã Đ, tỉnh Tuyên Quang
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

(Đã ký)

Đặng Văn Tình